

Bản án số: 04/2024/DSST

Ngày 26/3/2024

"V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản và yêu  
cầu thu hoạch tài sản trên đất"

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** ông Nguyễn Kiên Thành

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Lê Trung và ông Lê Thanh Sơn.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Lê Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên tòa:**  
ông Nguyễn Công Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2023/TLST-DS, ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc Tranh chấp kiện đòi tài sản và yêu cầu thu hoạch tài sản trên đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXX - ST ngày 10 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2024/QĐST-DS ngày 26/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2024/QĐST-DS ngày 26/02/2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Khổng Văn T1, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: thôn G, xã C, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

2. **Bị đơn:** Ông Khổng Văn K1, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn G, xã C, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. **Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Khổng Thị N, sinh năm 1970.

3.2. Bà Khổng Thị B, sinh năm 1968.

3.3. Anh Khổng Văn T, sinh năm 1991.

3.4. Anh Khổng Văn Khanh, sinh năm 1995.

3.5. Anh Khổng Đức T2, sinh năm 1997.

3.6. Ông Khổng Minh T3, sinh năm 1967.

3.7. Ông Khổng Ngọc C, sinh năm 1964.

3.8. Bà Khổng Thị K2, sinh năm 1975.

Đều trú tại: thôn G, xã C, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, (bà N, anh T2 - có mặt; bà B, anh T1, anh T2, ông T3, ông C, bà K3 - vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2023 cùng các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Khổng Văn T1 trình bày: Ông có quan hệ anh em họ hàng với ông Khổng Văn K1 và là hàng xóm cùng thôn ở giáp danh với nhau.

Về nguồn gốc đất: Gia đình ông sử dụng thửa đất 229 tờ bản đồ số 11 có diện tích 1268m<sup>2</sup> tại thôn G, xã C, huyện Sông Lô. Năm 2008 gia đình ông đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng, tên chủ sử dụng đất là ông Khổng Văn T1 diện tích đất ở 200m<sup>2</sup> và đất trồng cây lâu năm 1068m<sup>2</sup>. Diện tích đất đang tranh chấp với ông K1 là do bố đẻ ông là cụ Khổng Văn N để lại cho ông. Khoảng năm 1998 cụ Khổng Văn N có cho hai cụ Khổng Minh Đ và Khổng Thị H (em trai, em dâu và là bố mẹ đẻ ông K1) trồng nhờ khoảng 12 cây bạch đàn và cây keo trên diện tích đất khoảng gần 300m<sup>2</sup> đất của gia đình ông. Tại thời điểm cho ông Đ trồng nhờ cây bạch đàn, cây keo khi đó gia đình ông vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2015 ông Đ chết. năm 2016 cụ H (vợ cụ Đ) cho người chặt cây để trả lại diện tích đất cho gia đình nhà ông nhưng các con của cụ Đ, cụ H không đồng ý vì tránh mâu thuẫn nên gia đình ông cũng không thúc ép cụ H phải chặt cây trả đất. Năm 2021 cụ H chết, từ đó ông Khổng Văn K1 sử dụng đất cho mượn và cho rằng diện tích đất trồng cây này là của gia đình cụ Đ. Diện tích đất gia đình ông cho trồng cây nhờ là khoảng gần 300m<sup>2</sup>. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/12/2023 là 122,2m<sup>2</sup> diện tích đất gia đình ông K1 sử dụng lấn chiếm. Nay ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sông Lô giải quyết buộc ông Khổng Văn K1 phải trả lại diện tích đất 122,2m<sup>2</sup> và thu hoạch toàn bộ tài sản (là cây cối) trên đất để trả lại cho gia đình ông quản lý sử dụng.

Bị đơn ông Khổng Văn K1 trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông K1 không đến Tòa án để làm việc và trình bày quan điểm của mình, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, phiên hòa giải. Ông K1 cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị giải quyết về tranh chấp quyền sử dụng đất của ông T1. Tại phiên tòa hôm nay ông K1 vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/12/2023 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định và định giá tài sản bị đơn ông K1 trình bày: Ông có quan hệ với ông Khổng Văn T1 là con chú, con bác. Về diện tích đất tranh chấp thì bố mẹ ông là cụ Khổng Minh Đ (chết năm 2003) và cụ Khổng Thị H (chết năm 2021) trước đó được Ủy ban nhân dân xã C giao cho trồng hoa màu, sau này các cụ trồng cây bạch đàn, khi các cụ chết thì

gia đình ông quản lý, sử dụng. Diện tích đất các bên tranh chấp Nhà nước giao cho bố mẹ ông sử dụng chưa có văn bản giấy tờ đứng tên ai nên thuộc quyền quản lý của Nhà nước, đối với diện tích đất mà gia đình ông đã xây dựng nhà ở và các công trình khác thì đã được Nhà nước cấp giấy CNQSD đất cho ông (ông K1 từ chối cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến diện tích đất ông đang quản lý sử dụng). Các tài sản trên diện tích đất tranh chấp giữa ông T1 và ông gồm có các loại cây bạch đàn, cây keo, cây tre, nứa là của bố mẹ ông trồng và gia đình ông trồng, các tài sản này hiện nay ông đang quản lý trông nom.

Đối với diện tích đất đang tranh chấp theo đơn khởi kiện của ông T1 thì ông khẳng định là đất của Nhà nước do Ủy ban nhân dân xã C quản lý, Nhà nước trả giao cho hộ nào, từ khi bố mẹ ông còn sống hai cụ sử dụng và trồng hoa màu và trồng cây đến khi hai cụ chết thì ông quản lý sử dụng. Nay ông T1 khởi kiện đòi ông diện tích đất khoảng gần 300m<sup>2</sup> thì ông không đồng ý vì phần đất ông đang quản lý sử dụng là của Nhà nước, ông có quan điểm nếu Nhà nước thu hồi thì ông thu hoạch các tài sản (là cây cối) trên đất để trả lại diện tích đất trên cho Nhà nước, nếu Nhà nước bán thì gia đình ông xin mua vì hiện tại ông đang quản lý, sử dụng và trồng một số cây bạch đàn và cây keo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Khổng Thị N trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà trình bày: Bà là vợ ông T1 trong quá trình giải quyết vụ án toàn bộ nội dung bà và ông T1 đã trình bày tại phiên tòa bà đồng ý với ý kiến trình bày của ông T1 và không bổ sung nội dung gì. Nay bà yêu cầu gia đình ông K1, bà B thu hoạch các tài sản (là cây cối) trên diện tích đất là 122,2m<sup>2</sup> theo kết quả thực tế đã đo đạc thẩm định ngày 22/12/2023. Để trả lại cho vợ chồng quản lý sử dụng.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Khổng Ngọc C, ông Khổng Minh T3, bà Khổng Thị K2 tại phiên tòa vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án các ông bà có quan điểm: Chúng tôi có quan hệ là con đẻ của cụ Khổng Minh Đ và cụ Khổng Thị H. Cụ Đ chết năm 2003; cụ H chết năm 2021. H cụ sinh được 04 người con là ông Khổng Minh T3, ông Khổng Ngọc C, ông Khổng Văn K1, bà Khổng Thị K2.

Về diện tích đất tranh chấp thì bố mẹ ông là cụ Khổng Minh Đ (chết năm 2003) và cụ Khổng Thị H (chết năm 2021) trước đó được Ủy ban nhân dân xã C giao cho trồng hoa màu, sau này các cụ trồng cây bạch đàn và các loại cây khác, khi các cụ chết thì gia đình ông K1 quản lý, sử dụng. Diện tích đất tranh chấp này ngày xưa bố mẹ các ông bà vỡ hoang trồng sắn sau đó trồng cây bạch đàn và cây keo đất này vẫn do quản lý của Nhà nước (UBND xã C). Diện tích đất đang tranh chấp với ông T1 Nhà nước chưa giao cho ai, phần diện tích này giáp ranh với diện tích đất của ông K1 đã được Nhà nước cấp giấy CNQSD đất cho ông

K1. Các tài sản trên diện tích đất tranh chấp hiện nay gồm có cây bạch đàn, cây keo, cây tre, nửa là của bố mẹ các ông, bà trồng hiện nay ông K1 đang quản lý.

Đối với diện tích đất đang tranh chấp thì ông khẳng định là đất của Nhà nước, Nhà nước giao cho hai cụ sử dụng, khi hai cụ chết thì ông K1 quản lý sử dụng đất, còn tài sản trên đất các anh em ông cùng nhau quản lý. Nay ông T1 khởi kiện ông K1 đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất thì các ông, bà không đồng ý vì phần đất ông K1 đang quản lý sử dụng là của Nhà nước, các ông bà có quan điểm nếu Nhà nước thu hồi thì anh em ông thu hoạch các tài sản trên đất để trả lại diện tích đất trên cho Nhà nước, nếu Nhà nước bán thì các ông, bà xin mua lại vì hiện tại ông K1 đang quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Khổng Thị B, anh Khổng Văn K2, anh Khổng Đức T2 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều vắng mặt không có lý do, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà B, anh K2, anh T2 không đến Tòa án làm việc, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, phiên hòa giải. Bà B, anh K2, anh T2 cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Tuyên. Tại phiên tòa bà B, anh T2, anh K2 vắng mặt mặc dù đã được tổng đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C xác định ông K1, bà B, anh K2, anh T2 hiện nay đang sinh sống và có mặt tại địa phương, ông K1, bà B, anh K2, anh T3 có biết việc ông T1 khởi kiện nhưng không đến Tòa án làm việc. Đối với diện tích gia đình ông K1 đang quản lý, qua kiểm tra bản đồ 299, sổ mục kê, sổ địa chính được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã C thì 122,2m<sup>2</sup> đất theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22 tháng 12 năm 2023, gia đình ông K1 đang sử dụng và quản lý. Diện tích đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Khổng Văn T1 năm 2008.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22 tháng 12 năm 2023, hiện tại ông K1 đã rào lưới B40 được thể hiện các điểm từ 20, 21, 22, 23, 24, 19, 20 có diện tích 122,2m<sup>2</sup>. diện tích đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trích lục thửa đất (theo bản đồ VN 2000 tại tờ bản đồ số 21, thửa đất số 49) cho hộ ông Khổng Văn T1. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật

Theo biên bản định giá tài sản ngày 22/12/2023, đối với diện tích đất 122,2m<sup>2</sup> là 300.000đ/1m<sup>2</sup> đất.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán về quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, Nguyên đơn đã tuân

thủ cơ bản đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn ông K1 và bà B, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, yêu cầu ông Kháng, bà Biên và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 164, 166, 175 Bộ luật dân sự; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166; 170; 203 Luật đất đai và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Khổng Văn T1.

Buộc ông Khổng Văn K1 và bà Khổng Thị B tháo dỡ lưới B40, tài sản trên đất. Trả lại cho ông Khổng Văn T1 diện tích 122,2m<sup>2</sup> đất lấn chiếm hộ ông T1.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: ông Khổng Văn T1 tự nguyện chịu nộp và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông K1 phải chịu theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông T1.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Khổng Văn T1 khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông Khổng Văn K1 trả lại diện tích đất gia đình ông K1 đang sử dụng nằm trong diện tích đất gia đình ông đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận QSDĐ nên đây là quan hệ tranh chấp kiện đòi tài sản và yêu cầu thu hoạch tài sản trên đất, diện tích đất tọa lạc tại thôn G, xã C, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định khoản 9 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Quan hệ tranh chấp kiện đòi tài sản và yêu cầu thu hoạch tài sản trên đất theo quy định tại khoản 3 Điều 155 Bộ luật dân sự. Do vậy không áp dụng thời hiệu.

[1.3] Về việc thủ tục xét xử vắng mặt: ông Khổng Văn K1 và bà Khổng Thị B, anh Khổng Đức T2, anh Khổng Văn K2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều nhưng lần vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K1, bà B, anh K2, anh T2.

[2] Về nội dung khởi kiện: Ông Không Văn T1 khởi kiện ông Không Văn K1 đề nghị gia đình ông K1 trả lại gia đình ông diện tích đất gia đình ông K1 lấn chiếm là 122,2m<sup>2</sup> tại thôn G, xã C, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Xét đề nghị của nguyên đơn thấy rằng: Diện tích đất ông T1, bà N đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc được bố mẹ cho ông T1 để lại cho vợ chồng ông T1, bà N diện tích đất này, theo bản đồ 299 là thửa số 229 với diện tích là 1268m<sup>2</sup>, trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở và 1068m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Không Văn T1 (theo kết quả thẩm định đo đạc ngày 22/12/2023 diện tích đất là 1296m<sup>2</sup>, theo bản đồ VN 2000 diện tích 1296m<sup>2</sup> tại tờ bản đồ số 21, thửa đất số 49) đã cho vợ chồng ông T1, bà N quản lý và sử dụng.

Đối với bị đơn ông Không Văn K1 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Không Thị B anh Không Đức T2, anh Không Văn K2 trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông K1, bà B, anh K2, anh T2 đã không đến Tòa án để làm việc và trình bày quan điểm của mình, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, phiên hòa giải. Ông K1, bà B, anh K2, anh T2 cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị giải quyết về tranh chấp quyền sử dụng đất của ông T1.

Theo kết quả thẩm định đo đạc ngày 22/12/2023 diện tích đất của ông T1, bà N chỉ mốc giới theo sơ đồ hiện trạng đo vẽ là 1296m<sup>2</sup> (diện tích đất này đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ và trích lục thửa đất (theo bản đồ VN 2000 có diện tích 1296m<sup>2</sup> tại tờ bản đồ số 49, thửa đất số 21). Qua xem xét thẩm định đối với diện tích đất của ông T1 tăng 28m<sup>2</sup> so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất địa phương cho biết sai số do các thời kỳ đo đạc.

Tại phiên tòa ông T1, bà N đồng ý giải quyết theo kết quả thẩm định đo đạc tại chỗ ngày 22/12/2023 diện tích đất của ông bà là 1296m<sup>2</sup> trùng khớp với phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 16/01/2017 ông T1 ký xác nhận thông tin về thửa đất và diện tích đất. Nay ông T1, bà N yêu cầu ông K1 thu hoạch cây cối, tài sản trên đất để trả lại phần diện tích đất 122,2m<sup>2</sup> đã lấn chiếm cho gia đình nhà ông, bà.

Từ những nhận định trên căn cứ vào các Điều 164, 166, 175 Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Không Văn T1. Buộc vợ chồng ông Không Văn K1, bà Không Thị B phải thu hoạch tài sản trên đất trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 122,2m<sup>2</sup> tại thửa đất số 229, tờ bản đồ số 11 tại thôn G xã C, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 22/12/2023, đối với diện tích đất 122,2m<sup>2</sup> là 300.000đ/1m<sup>2</sup> đất.

[3]. Về chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn ông Không Văn T1 tự nguyện nộp tạm ứng chi phí tố tụng và không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét và quyết định.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông T1 được chấp nhận nên buộc ông Không Văn K1 và bà Không Thị B phải chịu án phí, đối với diện tích đất  $122,2\text{m}^2 \times 300.000\text{đ}/1\text{m}^2 = 36.660.000\text{đ} \times 5\% = 1.833.000\text{đ}$ .

[5]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tại phiên tòa: Phát biểu về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 164, 166, 175 Bộ luật dân sự; khoản 9 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166; 170; 203 Luật đất đai và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Không Văn T1.

2/ Xử: Buộc ông Không Văn K1, bà Không Thị B thu hoạch tài sản trên đất là cây bạch đàn, cây keo, bụi tre để trả lại ông Không Văn T1 diện tích đất lấn chiếm  $122,2\text{m}^2$  tại thửa đất số 229, tờ bản đồ số 11 (thửa số 49, tờ bản đồ địa chính số 21 theo VN 2000) tại thôn Giạn, xã Cao Phong, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Có các chiều cạnh cụ thể như sau: Từ điểm 20 đến điểm 21 dài 14,18m; từ điểm 21 đến điểm 22 dài 10,33m; từ điểm 22 đến điểm 23 dài 3,12m; từ điểm 23 đến điểm 24 dài 11,61m; từ điểm 24 đến điểm 19 dài 17,49m; từ điểm 19 đến điểm 20 dài 7,06m. (có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Không Văn K1 và bà Không Thị B phải chịu 1.833.000 đồng. Trả lại ông Không Văn T1 số tiền 3.700.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000920, ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô.

4/ Án xử công khai: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú của người vắng mặt./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(đã ký)**

**Nguyễn Kiên Thành**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN SÔNG LÔ**  
**TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Sông Lô ngày 26 tháng 3 năm 2024*

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 10 giờ 15 phút ngày 26 tháng 3 năm 2024.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.



Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kiên Thành

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Sơn và ông Lê Trung.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 40/2023/TLST-DS, ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc Tranh chấp kiện đòi tài sản và yêu cầu thu hoạch tài sản trên đất giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ông Khổng Văn Tuyền, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Giạn, xã Cao Phong, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

2. *Bị đơn*: Ông Khổng Văn Kháng, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Giạn, xã Cao Phong, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Bà Khổng Thị Niên, sinh năm 1970.

3.2. Bà Khổng Thị Biên, sinh năm 1968.

3.3. Anh Khổng Văn Toàn, sinh năm 1991.

3.4. Anh Khổng Văn Khanh, sinh năm 1995.

3.5. Anh Khổng Đức Tịnh, sinh năm 1997.

3.6. Ông Khổng Minh Thắng, sinh năm 1967.

3.7. Ông Khổng Ngọc Chiến, sinh năm 1964.

3.8. Bà Khổng Thị Khang, sinh năm 1975.

Đều trú tại: thôn Giạn, xã Cao Phong, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT**

### **QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào các Điều 164, 166, 175 Bộ luật dân sự; khoản 9 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166; 170; 203 Luật đất đai và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Kết quả biểu quyết 3/3 = 100%.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Khổng Văn Tuyền.

2/ Xử: Buộc ông Khổng Văn Kháng, bà Khổng Thị Biên thu hoạch tài sản trên đất là cây bạch đàn, cây keo, bụi tre để trả lại diện tích đất lần chiếm 122,2m<sup>2</sup> tại thửa đất số 229, tờ bản đồ số 11 (thửa số 49, tờ bản đồ địa chính số 21 theo VN 2000) tại thôn Giạn, xã Cao Phong, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Có các chiều cạnh cụ thể như sau: Từ điểm 20 đến điểm 21 dài 14,18m; từ điểm 21 đến điểm 22 dài 10,33m; từ điểm 22 đến điểm 23 dài 3,12m; từ điểm 23 đến điểm 24 dài 11,61m; từ điểm 24 đến điểm 19 dài 17,49m; từ điểm 19 đến điểm 20 dài 7,06m. (có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Kết quả biểu quyết 3/3 = 100%.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Khổng Văn Kháng và bà Khổng Thị Biên phải chịu 1.833.000 đồng. Trả lại ông Khổng Văn Tuyển số tiền 3.700.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000920, ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Kết quả biểu quyết 3/3 = 100%.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 45 ngày 26 tháng 3 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Sơn

Lê Trung

Nguyễn Kiên Thành

